

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG  
KỸ THUẬT TP.HCM**

3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao,  
Quận 1, Tp.HCM  
ĐT: 028.9141 904 Fax: 028.9141 910

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **564/2020/CV-CII**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 08 năm 2020

V/v: giải trình tăng/ giảm kết quả hoạt động  
kinh doanh công ty mẹ 6 tháng đầu năm 2020  
so với cùng kỳ năm trước

- Kính gửi:**
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM
  - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.Hồ Chí Minh (CII) thông báo kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

Lợi nhuận sau thuế (LNST) lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 tại báo cáo tài chính bán niên được soát xét của Công ty mẹ đạt 304,2 tỷ đồng, tăng 235,5 tỷ so với cùng kỳ năm trước (lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính bán niên được soát xét năm 2019 đạt 68,7 tỷ đồng).

Kết quả hoạt động kinh doanh lũy kế 6 tháng đầu năm 2020 tại báo cáo tài chính bán niên được soát xét tăng so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do lãi từ mảng chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính.

Chi tiết về báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty CII vui lòng xem tại website: [www.cii.com.vn](http://www.cii.com.vn).

Trân trọng.

Nơi gửi:

- Như trên
- Lưu: VP. P.TC-KT



**LÊ QUỐC BÌNH**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 55

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Đặng Ngọc Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Bà Nguyễn Lê Hoàng Yến	Thành viên (chính thức bổ nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2020)
Ông Kang Sang In	Thành viên (chính thức miễn nhiệm ngày 2 tháng 6 năm 2020)

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Đoàn Minh Thư	Trưởng ban kiểm soát
Bà Trịnh Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trần Thị Tuất	Thành viên

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc dự án hạ tầng
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc quản lý vốn
Ông Nguyễn Trường Hoàng	Giám đốc phát triển dự án
Bà Trần Yến Vy	Giám đốc hành chính - quản trị (bổ nhiệm ngày 3 tháng 2 năm 2020)
Bà Nguyễn Thị Hồng Diệp	Giám đốc kế hoạch hành chính (miễn nhiệm ngày 4 tháng 2 năm 2020)

#### **Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Lê Quốc Bình - Tổng Giám đốc.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC** (tiếp theo)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



**Lê Quốc Bình**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

Số: 1086/2020/BCSX-ICPA.SG

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Quý Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2020, từ trang 5 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 3 năm 2020 và kết luận báo cáo soát xét không có ghi chú ngoại trừ vào ngày 30 tháng 8 năm 2019, đồng thời các kiểm toán viên cũng đã lưu ý người đọc đến vấn đề có liên quan đến các khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc và Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII như đã đề cập đến trong Thuyết minh V.4 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



**Lương Giang Thạch**

Phó Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 2178-2018-072-1

**Thay mặt và đại diện cho**

**Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.369.371.940.879</b>	<b>2.532.036.686.865</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>241.219.748.704</b>	<b>313.625.617.423</b>
1. Tiền	111		199.919.748.704	271.885.617.423
2. Các khoản tương đương tiền	112		41.300.000.000	41.740.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>82.800.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	82.800.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.048.183.012.243</b>	<b>2.084.449.003.445</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	238.983.621.551	165.032.328.551
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	464.245.188.425	498.195.189.617
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4.a	681.069.052.596	775.747.759.985
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.a	666.050.544.704	647.639.120.325
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(2.165.395.033)	(2.165.395.033)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>50.334.409.976</b>	<b>50.334.409.976</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	50.334.409.976	50.334.409.976
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>29.634.769.956</b>	<b>827.656.021</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8.a	28.276.003.530	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		19.738.451	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13.a	1.339.027.975	827.656.021



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/06/2020</b>	<b>01/01/2020</b>
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>11.696.102.808.755</b>	<b>8.794.827.734.433</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.968.882.541.094</b>	<b>1.909.146.480.230</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4.b	3.051.681.712.962	1.611.988.750.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.b	917.200.828.132	297.157.730.230
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>656.156.276</b>	<b>801.968.774</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	656.156.276	801.968.774
- Nguyên giá	222		5.380.773.400	5.380.773.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.724.617.124)	(4.578.804.626)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		1.058.840.204.896	1.058.840.204.896
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.058.840.204.896)	(1.058.840.204.896)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>2.786.296.504</b>	<b>2.814.309.826</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		2.786.296.504	2.814.309.826
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>V.11</b>	<b>7.721.579.258.959</b>	<b>6.879.885.932.204</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		6.659.480.850.906	5.940.788.806.641
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		519.380.000.000	713.414.900.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		561.210.257.638	225.682.225.563
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(18.491.849.585)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.198.555.922</b>	<b>2.179.043.399</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8.b	2.198.555.922	2.179.043.399
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>14.065.474.749.634</b>	<b>11.326.864.421.298</b>

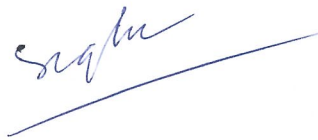
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.988.403.646.780</b>	<b>8.368.683.715.561</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.003.251.249.903</b>	<b>5.858.681.232.680</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	63.150.185.165	105.463.475.528
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.613.874.873	1.613.874.873
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13.b	10.160.876.757	11.134.125.433
4. Phải trả người lao động	314		-	14.014.321.384
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		10.592.154.421	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	441.967.100.512	439.524.166.294
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15.a	5.453.016.524.746	5.265.994.372.944
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		22.750.533.429	20.936.896.224
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.985.152.396.877</b>	<b>2.510.002.482.881</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15.b	4.985.152.396.877	2.510.002.482.881
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.077.071.102.854</b>	<b>2.958.180.705.737</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>3.077.071.102.854</b>	<b>2.958.180.705.737</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.831.681.520.000	2.831.681.520.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.831.681.520.000	2.831.681.520.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		391.516.634.932	391.516.634.932
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1.027.507.990.369)	(851.997.873.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		202.806.144.830	193.013.957.959
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		678.574.793.461	393.966.466.346
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		374.382.092.604	372.964.062.367
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		304.192.700.857	21.002.403.979
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>14.065.474.749.634</b>	<b>11.326.864.421.298</b>



**Nguyễn Văn Bích Ngọc**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Mai Hương**  
Kế toán trưởng



**Lê Quốc Bình**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		-	-
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	835.031.873.220	382.938.116.446
7. Chi phí tài chính	22	VI.2	512.219.849.294	324.872.279.072
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		440.273.702.768	258.310.468.472
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.3	19.291.075.938	(9.932.938.377)
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>303.520.947.988</b>	<b>67.998.775.751</b>
10. Thu nhập khác	31		335.632.350	1.888.000.000
11. Chi phí khác	32		28.013.322	11.000
<b>12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>307.619.028</b>	<b>1.887.989.000</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>303.828.567.016</b>	<b>69.886.764.751</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.4	(364.133.841)	1.191.742.472
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>304.192.700.857</b>	<b>68.695.022.279</b>



Nguyễn Văn Bích Ngọc  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hương  
Kế toán trưởng



Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020</b>	<b>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</b>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>1</b>	<b>303.828.567.016</b>	<b>69.886.764.751</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2	145.812.498	145.812.498
Các khoản dự phòng	3	18.491.849.585	(26.606.340.790)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(834.992.009.075)	(382.938.116.446)
Chi phí lãi vay	6	488.115.396.688	266.214.753.895
Các khoản điều chỉnh khác	7	-	18.740.454
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>8</b>	<b>(24.410.383.288)</b>	<b>(73.278.385.638)</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	9	(474.745.412.199)	304.576.456.158
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	78.204.479.729	51.918.051.138
Tăng chi phí trả trước	12	(28.295.516.053)	(24.676.299.340)
Tiền lãi vay đã trả	14	(603.482.397.753)	(219.889.577.337)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.978.549.666)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(1.060.707.779.230)</b>	<b>38.650.244.981</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.028.571.375.867)	(1.015.330.894.574)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	619.567.832.317	287.772.781.169
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.221.120.819.086)	(820.771.344.677)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.791.307.537.111	8.285.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	355.026.705.864	131.552.535.011
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.483.790.119.661)</b>	<b>(1.408.491.923.071)</b>



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(175.510.116.869)	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	7.124.765.237.459	3.518.964.802.002
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.477.162.245.599)	(2.226.653.837.473)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(844.819)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>2.472.092.030.172</b>	<b>1.292.310.964.529</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>(72.405.868.719)</b>	<b>(77.530.713.561)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>313.625.617.423</b>	<b>150.987.469.216</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> (70 = 50 + 60)	<b>70</b>	<b>241.219.748.704</b>	<b>73.456.755.655</b>



Nguyễn Văn Bích Ngọc  
Người lập biểu



Nguyễn Thị Mai Hương  
Kê toán trưởng



Lê Quốc Bình  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ***Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 2.831.681.520.000 đồng, chia thành 283.168.152 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại 3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2020: 82 (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020: 83).

Tên giao dịch bằng Tiếng Anh của Công ty: Ho Chi Minh City Infrastructure Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CII.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; thực hiện thu phí giao thông đường bộ; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thực hiện thu phí giao thông đường bộ; kinh doanh bất động sản; đầu tư và quản lý các công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ có liên quan đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Vào ngày 2 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn tất việc mua lại 79,98% phần vốn trong Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm River Park ("TTRVP") từ Shining Armor Limited ("SAL") và ngay sau đó, thực hiện chuyển nhượng 80% vốn góp trong TTRVP cho Công ty Cổ phần City Garden ("CG"). Giao dịch chuyển nhượng này đã hoàn tất vào ngày 3 tháng 1 năm 2020.

Ngày 6 tháng 1 năm 2020, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua lại trước hạn 400 trái phiếu với tổng mệnh giá 40 triệu USD phát hành cho Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No. 1 và thanh toán đầy đủ các khoản nợ của trái phiếu này theo thỏa thuận với nhà đầu tư với tổng giá trị là 42.663.440 USD.

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, Công ty đã phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu riêng lẻ. Đây là các trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền với kỳ hạn 36 tháng kể từ ngày phát hành. Lãi suất trái phiếu là 11%/năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ có liên quan đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ** (tiếp theo)

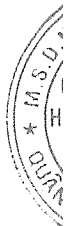
Từ ngày 6 tháng 4 năm 2020 đến ngày 5 tháng 5 năm 2020, Công ty đã thực hiện mua thành công 9.000.000 cổ phiếu quỹ.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2020, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào mười một (11) công ty con và một (01) công ty liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R)	Tp. Hồ Chí Minh	54,46%	54,46%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
2. Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm (KBTT)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư vào dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới Thủ Thiêm theo hợp đồng B.T; kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil (VPII)	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư hạ tầng kỹ thuật
4. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Tp. Hồ Chí Minh	50,61%	50,61%	Kinh doanh hạ tầng nước môi trường
5. Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản
6. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C)	Tp. Hồ Chí Minh	71,04%	71,04%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
7. Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia (Lu Gia Land)	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cho thuê văn phòng
8. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Tp. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T Cầu Bình Triệu
9. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
10. Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Kinh doanh bất động sản
11. Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB)	Tp. Hồ Chí Minh	78,56%	78,56%	Đầu tư và kinh doanh bất động sản
<b>Công ty liên kết</b>				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (HNHC) (i)	Tp. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội

(i) Công ty nắm giữ trực tiếp 49% quyền biểu quyết và nắm giữ gián tiếp 51% thông qua Công ty CII B&R.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty cũng thực hiện đầu tư gián tiếp vào các công ty con và công ty liên doanh, liên kết thông qua các công ty con đầu tư trực tiếp như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII B&amp;R</b>				
<b><u>Công ty con</u></b>				
1. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (SGBC)	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (HNHC)	Tp. Hồ Chí Minh	51,00%	51,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (Ninh Thuan Invest JSC)	Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận (BOT Ninh Thuận)	Tp. Hồ Chí Minh & Tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	Đầu tư xây dựng và thu phí giao thông hoàn vốn cho dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	Tp. Hồ Chí Minh	50,53%	50,53%	Đầu tư xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
7. Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu (BOTRM)	Tỉnh Bến Tre	50,71%	50,36%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (VRG)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
<b><u>Công ty liên doanh</u></b>				
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
<b>Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua SII</b>				
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro (Enviro)	Tp. Hồ Chí Minh	85,00%	85,00%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Tỉnh Lâm Đồng	90,00%	90,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	55,00%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Tp. Hồ Chí Minh	50,98%	50,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Cấp nước Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	51,00%	51,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
6. Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
<b>Công ty liên kết</b>				
1. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	Tp. Hồ Chí Minh	43,00%	43,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
2. Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Tỉnh Gia Lai	49,00%	49,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
<b>Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua CII E&amp;C</b>				
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
2. Công ty TNHH Một thành viên Vật Liệu Xây dựng SG	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Buôn bán vật liệu thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
<b>Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>				
<b>Công ty con</b>				
1. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC (MCSC)	Tỉnh Bình Dương	55,00%	55,00%	Cung cấp dịch vụ thu phí giao thông đường bộ

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT** (tiếp theo)**Cấu trúc doanh nghiệp** (tiếp theo)

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
-------------	----------------------------	-------------------	----------------------------	-----------------

**Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bày Bày****Công ty con**

1. Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh	Tp. Hồ Chí Minh	95,00%	95,00%	Kinh doanh nhà và bất động sản
2. Công ty TNHH Hương Trà	Tỉnh Quảng Ngãi	99,00%	99,00%	Quản lý điều hành và kinh doanh Mỏ nước khoáng Trà Bồng

**Công ty liên kết**

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	49,00%	49,00%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
2. Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú	Tỉnh Quảng Nam	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh Bất động sản

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ là có thể so sánh được.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập cho mỗi loại chứng khoán khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán tại ngày lập báo cáo tài chính.

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền thu phí giao thông, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và các cơ quan chủ quản của Nhà nước. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm chi phí di dời, sửa chữa văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua – bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Trái phiếu phát hành**

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Công ty phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Trái phiếu chuyển đổi**

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Tại ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi. Khoản mục này được ghi nhận là nợ phải trả tài chính và được xác định theo giá trị phân bổ (trừ đi chi phí phát hành) cho đến khi được hủy bỏ thông qua chuyển đổi hoặc được thanh toán.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu, là phần chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và cấu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi tại thời điểm phát hành.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các Khoản Mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

**Thu nhập từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư**

Doanh thu từ chuyển nhượng quyền tham gia dự án đầu tư được xác định là giá trị ghi trên hợp đồng chuyển nhượng, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện và Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch.

**Tiền lãi**

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Chi phí đi vay** (tiếp theo)

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	12.262.084	8.590.613
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	199.907.486.620	271.877.026.810
Các khoản tương đương tiền	41.300.000.000	41.740.000.000
<b>Cộng</b>	<b>241.219.748.704</b>	<b>313.625.617.423</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị các khoản tiền gửi ngân hàng với thời hạn gốc dưới 3 tháng.

**2. Phải thu của khách hàng**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City (i)	80.000.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	210.319.749	6.259.026.749
<b>Cộng</b>	<b>238.983.621.551</b>	<b>165.032.328.551</b>
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	158.773.301.802	158.773.301.802

(i) Đây là khoản phải thu liên quan đến việc chuyển nhượng quyền tham gia phát triển dự án Công ty đang đầu tư.

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (i)	462.850.380.000	462.850.380.000
Shining Armor Limited	-	33.850.321.073
Nhà cung cấp khác	1.394.808.425	1.494.488.544
<b>Cộng</b>	<b>464.245.188.425</b>	<b>498.195.189.617</b>

(i) Đây là khoản trả trước liên quan đến thỏa thuận hứa mua, hứa bán cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận do CII B&R sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan (*)	158.300.000.000	388.271.682.695
Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An (i)	200.334.642.983	190.104.723.313
Công ty Cổ phần Đầu tư Việt Thành	169.452.336.502	76.753.131.244
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592 (ii)	116.400.000.000	58.100.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân Dụng E&C	18.413.045.299	18.413.045.299
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (iii)	18.169.027.812	44.105.177.434
<b>Cộng</b>	<b>681.069.052.596</b>	<b>775.747.759.985</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Phải thu các bên liên quan (*)	2.751.681.712.962	1.311.988.750.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (iii)	300.000.000.000	300.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.051.681.712.962</b>	<b>1.611.988.750.000</b>
<b>Cộng các khoản cho vay</b>	<b>3.732.750.765.558</b>	<b>2.387.736.509.985</b>

(\*) Chi tiết các khoản phải thu về cho vay đối với các bên liên quan:

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (iv)	118.300.000.000	55.800.000.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	30.000.000.000	14.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	10.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	-	188.088.603.985
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	-	93.883.078.710
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	36.000.000.000
	<b>158.300.000.000</b>	<b>388.271.682.695</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận (v)	1.385.280.000.000	926.280.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội (vi)	980.692.962.962	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (vii)	385.708.750.000	385.708.750.000
	<b>2.751.681.712.962</b>	<b>1.311.988.750.000</b>
<b>Cộng phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.909.981.712.962</b>	<b>1.700.260.432.695</b>

Thông tin bổ sung cho các khoản hỗ trợ vốn và hợp tác đầu tư trọng yếu tại ngày 30 tháng 6 năm 2020:

- (i) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Thương mại Nước giải khát Khánh An để bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn của hợp đồng là 10 năm kể từ ngày 26 tháng 1 năm 2018. Bên nhận hỗ trợ cam kết ngay khi nhận được các khoản phân chia từ Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu hoặc ngay khi thu xếp được tài chính sẽ thực hiện hoàn trả nợ cho Công ty. Lãi suất áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm. Khoản hỗ trợ vốn được đảm bảo bằng phần vốn Khánh An trong Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**4. Phải thu về cho vay** (tiếp theo)

- (ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương Mại 592 theo hợp đồng ký ngày 25 tháng 6 năm 2019 với lãi suất áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm. Hạn mức hỗ trợ vốn là 120 tỷ VND và đã được gia hạn thanh toán đến ngày 25 tháng 6 năm 2021.
- (iii) Số dư cuối kỳ của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc bao gồm:
- Khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng ký ngày 2 tháng 12 năm 2015 với lãi suất trong kỳ là 10,5%/năm. Hạn mức là 150 tỷ VND và đã được gia hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 6 năm 2021. Số dư cuối kỳ của hợp đồng này là 18.169.027.812 đồng;
  - Khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng ký ngày 9 tháng 1 năm 2017 với số tiền là 300 tỷ đồng, đã được gia hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 6 năm 2021 và có thể tiếp tục được gia hạn cho đến khi dự án Trung Lương Mỹ Thuận hoàn thành và đưa vào thu phí. Lãi suất hợp tác đầu tư là 10,5%/năm, được thanh toán vào ngày đáo hạn.
- (iv) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn theo hợp đồng ký ngày 22 tháng 5 năm 2019 với lãi suất trong kỳ là 10%/năm. Hạn mức là 130 tỷ VND và đã được gia hạn thanh toán đến ngày 23 tháng 5 năm 2021.
- (v) Khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận theo hợp đồng ký ngày 20 tháng 12 năm 2017 để đầu tư vào dự án đang thực hiện. Thời hạn của hợp đồng là 11 năm. Lãi suất được áp dụng trong kỳ là 10,5%/năm, lãi được thanh toán vào ngày đáo hạn.
- (vi) Khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội theo các biên bản và hợp đồng đã ký để thực hiện dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội và bổ sung vốn lưu động. Lãi suất áp dụng trong kỳ dao động trong khoảng từ 10,5%/năm đến 12,5%/năm. Khi Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội có nguồn thu từ việc thu phí sẽ tiến hành hoàn trả vốn và lãi cho Công ty.
- (vii) Khoản hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII theo hợp đồng ký ngày 13 tháng 4 năm 2015 với số tiền là 385.708.750.000 đồng và lãi suất trong kỳ là 4,25%/năm. Hợp đồng đã được gia hạn thanh toán đến ngày 13 tháng 4 năm 2024. Tiền gốc và lãi phát sinh sẽ được thanh toán khi đáo hạn.

Khoản phải thu của Công ty Cổ phần Đầu tư Tuấn Lộc ("Tuấn Lộc") (iii) và Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII ("CII B&R") (vii) theo hợp đồng đã ký với mục đích là để Tuấn Lộc và CII B&R góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận - Doanh nghiệp dự án và đảm bảo bằng chính cổ phần mà các công ty này sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Tuấn Lộc và CII B&R sẽ chính thức chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Doanh nghiệp dự án đang đẩy nhanh tiến độ thi công, đảm bảo mục tiêu hoàn thành dự án vào quý II năm 2021. Với thỏa thuận hưởng lợi nhuận trên tỷ suất cố định của hợp đồng BOT thì nhà đầu tư sẽ không bị tổn thất giá trị. Bên cạnh đó, theo hợp đồng quyền chọn mua thì Công ty là người nắm giữ quyền, khi dự án hoàn thành thì Công ty có quyền, Tuấn Lộc và CII B&R có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Dựa trên những đánh giá này, Ban Tổng Giám đốc cam kết sẽ mua lại theo thỏa thuận đã ký kết.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. Phải thu khác**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	399.749.826.666	493.233.653.578
Các khoản tiền gửi được cầm cố, ký quỹ	128.504.703.479	47.665.928.651
Phải thu người lao động	71.577.000.000	10.027.000.000
Vốn góp theo hợp đồng BCC	21.151.822.600	21.151.822.600
Lãi tiền gửi và lãi cho vay	20.495.470.194	55.222.450.847
Ký cược, ký quỹ	16.655.967.013	15.000.000.000
Các khoản chi hộ	7.871.875.872	5.300.075.769
Các khoản phải thu khác	43.878.880	38.188.880
<b>Cộng</b>	<b>666.050.544.704</b>	<b>647.639.120.325</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Vốn góp hợp tác đầu tư (i)	412.500.000.000	-
Lãi cho vay (ii)	497.899.828.132	288.712.614.040
Ký cược, ký quỹ	6.801.000.000	8.445.116.190
<b>Cộng</b>	<b>917.200.828.132</b>	<b>297.157.730.230</b>
<b>Cộng các khoản phải thu khác</b>	<b>1.583.251.372.836</b>	<b>944.796.850.555</b>

**Trong đó, phải thu các bên liên quan:**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>397.584.431.633</b>	<b>491.068.258.545</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	391.899.162.501	360.435.736.371
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	2.185.269.132	2.185.269.132
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	-	85.840.450.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	39.106.803.042
<b>Lãi cho vay</b>	<b>395.591.559.867</b>	<b>223.659.208.617</b>
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	192.713.011.410	123.633.568.541
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	103.310.426.176	11.742.677.304
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	91.999.957.897	76.014.387.965
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	5.335.342.466	2.203.273.972
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	1.568.301.370	-
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	664.520.548	444.062.500
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	-	9.621.238.335
Vốn góp hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	412.500.000.000	-
Các khoản chi hộ cho Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	7.871.875.872	5.300.075.769
<b>Cộng phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.213.547.867.372</b>	<b>720.027.542.931</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**5. Phải thu khác** (tiếp theo)

(i) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy vay theo hợp đồng hợp tác đầu tư ký ngày 14 tháng 5 năm 2020 để hợp tác đầu tư xây dựng Dự án Khu Dân cư Sơn Tịnh - Quảng Ngãi. Thời hạn hợp tác của hợp đồng là hai (2) năm. Công ty được phân chia lợi nhuận khoán gọn với tỷ lệ 13%/năm tính trên số tiền thực tế góp vào dự án. Tiền gốc và lãi phát sinh sẽ được thanh toán khi hết thời hạn hợp tác.

(ii) Đây là số dư phải thu lãi liên quan đến các đối tượng sau:

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	192.713.011.410	123.633.568.541
Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	104.771.506.850	89.064.657.534
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	103.310.426.176	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	91.769.541.230	76.014.387.965
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	5.335.342.466	-
<b>Cộng</b>	<b>497.899.828.132</b>	<b>288.712.614.040</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

6. Nợ xấu	30/06/2020		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá trị dự phòng	Giá trị dự phòng
Phải thu ngắn hạn khác	2.165.395.033	-	(2.165.395.033)	2.165.395.033
				-
				(2.165.395.033)
<b>7. Hàng tồn kho</b>				
				01/01/2020
				Giá gốc VND
				Dự phòng VND
				Giá gốc VND
				Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	50.334.409.976	-	-	50.334.409.976
				-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
Chi phí phát hành trái phiếu	23.135.598.227	-
Phí cam kết rút vốn	5.090.909.091	-
Công cụ dụng cụ xuất dùng	49.496.212	-
<b>Cộng</b>	<b>28.276.003.530</b>	<b>-</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
Chi phí di dời, sửa chữa văn phòng	2.058.288.500	1.856.132.038
Công cụ dụng cụ xuất dùng	140.267.422	322.911.361
<b>Cộng</b>	<b>2.198.555.922</b>	<b>2.179.043.399</b>

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2020	5.168.827.000	211.946.400	5.380.773.400
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>5.168.827.000</b>	<b>211.946.400</b>	<b>5.380.773.400</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2020	4.366.858.226	211.946.400	4.578.804.626
Khấu hao trong kỳ	145.812.498	-	145.812.498
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>4.512.670.724</b>	<b>211.946.400</b>	<b>4.724.617.124</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2020	801.968.774	-	801.968.774
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>656.156.276</b>	<b>-</b>	<b>656.156.276</b>

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2020 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 2.464.523.400 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền thu phí giao thông VND
<b>Nguyên giá</b> Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 30/06/2020	1.058.840.204.896
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b> Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 30/06/2020	1.058.840.204.896
<b>Giá trị còn lại</b> Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 30/06/2020	-

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc mới theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 do đó toàn bộ giá trị của quyền thu phí đã được khấu hao hết. Công ty đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với UBND Thành phố Hồ Chí Minh để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính dài hạn****a. Đầu tư vào công ty con**

	30/06/2020				01/01/2020			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	1.500.000.000.000	-	-	-	1.500.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	73.316.667	1.448.166.856.085	(18.491.849.585)	1.429.675.006.500	63.652.782	1.257.637.584.208	-	1.273.055.640.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	105.032.452	1.258.844.444.992	-	4.463.879.210.000	105.032.452	1.258.844.444.992	-	4.148.781.854.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	-	770.020.000.000	-	-	-	270.020.000.000	-	-
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	-	751.300.000.000	-	-	-	751.300.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	32.654.750	485.383.662.063	-	564.927.175.000	32.654.750	485.383.662.063	-	546.967.062.500
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	28.059.622	361.271.109.420	-	446.147.989.800	26.459.392	333.108.337.032	-	433.934.028.800
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	4.860.450	69.382.887.750	-	-	4.860.450	69.382.887.750	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	10.000.000.000	-	-	-	10.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	499.998	5.046.890.596	-	-	499.998	5.046.890.596	-	-
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	-	65.000.000	-	-	-	65.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>6.659.480.850.906</b>	<b>(18.491.849.585)</b>	<b>6.904.629.381.300</b>		<b>5.940.788.806.641</b>		<b>6.402.738.585.300</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính dài hạn** (tiếp theo)**b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2020				01/01/2020			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	51.938.000	519.380.000.000	-	-	51.938.000	519.380.000.000	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm River Park	-	-	-	-	-	194.034.900.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>519.380.000.000</b>				<b>713.414.900.000</b>		

**c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2020				01/01/2020			
	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng Cổ phần	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm River Park	-	315.530.032.075	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Sài Gòn Riverfont	6.000.000	187.793.610.000	-	-	6.000.000	187.793.610.000	-	-
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	297.000	29.700.000.000	-	-	297.000	29.700.000.000	-	-
Công ty TNHH Golden Real Estale	-	19.998.000.000	-	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	500.000	5.000.000.000	-	-	500.000	5.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	277.710	3.187.515.563	-	-	277.710	3.187.515.563	-	-
Công ty TNHH Thanh Sơn Số Bốn Việt Nam	-	1.100.000	-	-	-	1.100.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>561.210.257.638</b>				<b>225.682.225.563</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**11. Đầu tư tài chính dài hạn** (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào các công ty đã niêm yết trên thị trường chứng khoán như Công ty CII B&R, Công ty SII, Công ty CII E&C và Công ty NBB được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Giá trị hợp lý của các công ty còn lại không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

**Thông tin các khoản đầu tư được cầm cố, thế chấp**

Phần vốn góp trong các công ty đã được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay, trái phiếu phát hành của Công ty và các công ty con bao gồm:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Giá trị vốn góp</b>
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	1.500.000.000.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	751.300.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm River Park	315.214.502.043
<b>Cộng</b>	<b>2.566.514.502.043</b>

Số lượng cổ phiếu đã được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay, trái phiếu phát hành của Công ty và các công ty con bao gồm:

<b>Tên Công ty</b>	<b>Số lượng cổ phiếu</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	105.032.452
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	73.316.357
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	32.164.750
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	28.059.280
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	82.830.000
<b>Cộng</b>	<b>321.402.839</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2020		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Nợ gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	59.300.373.374	59.300.373.374	101.300.373.374	101.300.373.374
Nhà cung cấp khác	3.849.811.791	3.849.811.791	4.163.102.154	4.163.102.154
<b>Cộng</b>	<b>63.150.185.165</b>	<b>63.150.185.165</b>	<b>105.463.475.528</b>	<b>105.463.475.528</b>

**Trong đó, phải trả cho các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	59.300.373.374	59.300.373.374	101.300.373.374	101.300.373.374
--------------------------------------	----------------	----------------	-----------------	-----------------

**13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	01/01/2020 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2020 VND
<b>a. Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	147.238.113	147.238.113
Thuế thu nhập doanh nghiệp	827.656.021	(364.133.841)	-	1.191.789.862
<b>Cộng</b>	<b>827.656.021</b>	<b>(364.133.841)</b>	<b>147.238.113</b>	<b>1.339.027.975</b>
<b>b. Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	25.867.786	-	25.867.786	-
Thuế thu nhập cá nhân	2.052.103.298	4.864.749.321	3.491.890.497	3.424.962.122
Thuế nhà thầu	9.049.381.577	11.433.147.548	13.753.387.262	6.729.141.863
Các loại thuế khác	6.772.772	3.000.000	3.000.000	6.772.772
<b>Cộng</b>	<b>11.134.125.433</b>	<b>16.300.896.869</b>	<b>17.274.145.545</b>	<b>10.160.876.757</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**14. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả lãi vay	204.798.915.448	123.351.684.282
Nhận đặt cọc (i)	137.000.000.000	-
Phải trả lãi chậm thanh toán	35.139.885.924	47.400.357.661
Chi phí mua lại trái phiếu (ii)	21.467.328.309	225.384.326.170
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	26.869.293.140	26.869.293.140
Cổ tức phải trả	3.248.541.341	3.249.386.160
Các khoản phải trả khác	13.443.136.350	13.269.118.881
<b>Cộng</b>	<b><u>441.967.100.512</u></b>	<b><u>439.524.166.294</u></b>

*Trong đó, phải trả các bên liên quan như sau:*

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Chi phí sử dụng vốn</b>	<b>19.737.681.497</b>	<b>5.014.663.565</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	13.619.110.531	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	2.013.168.929	298.920.301
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	1.099.476.011	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	1.017.193.816	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	929.898.492	761.331.236
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	554.250.000	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	336.575.342	233.260.274
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	168.008.376	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	-	3.721.151.754
<b>Nhận đặt cọc</b>	<b>137.000.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	137.000.000.000	-
<b>Phải trả lãi chậm thanh toán</b>	<b>35.139.885.924</b>	<b>34.012.722.133</b>
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	35.139.885.924	34.012.722.133
<b>Các khoản thu hộ</b>	<b>10.483.155.001</b>	<b>10.404.000.001</b>
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	10.104.000.001	10.404.000.001
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	379.155.000	-
<b>Phải trả khác</b>	<b>2.777.100.000</b>	<b>2.777.100.000</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	2.777.100.000	2.777.100.000
<b>Cộng phải trả các bên liên quan</b>	<b><u>205.137.822.422</u></b>	<b><u>52.208.485.699</u></b>

(i) Số dư cuối kỳ là khoản nhận đặt cọc chuyển nhượng quyền kinh doanh và quản lý trung tâm thương mại và tăng hầm dự án bất động sản từ Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy.

(ii) Đây giá mua trái phiếu RAM phải thanh toán cho trái chủ theo yêu cầu mua lại trước hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay các bên liên quan (*)	2.160.864.258.083	2.160.864.258.083	2.625.028.946.553	1.985.365.543.892	1.521.200.855.422	1.521.200.855.422
Vay các ngân hàng thương mại	783.820.000.000	783.820.000.000	688.535.589.699	314.475.589.699	409.760.000.000	409.760.000.000
Vay các công ty chứng khoán	339.734.861.586	339.734.861.586	788.627.205.207	780.529.140.508	331.636.796.887	331.636.796.887
Vay các cá nhân và tổ chức khác	332.965.290.070	332.965.290.070	248.336.000.000	188.115.000.000	272.744.290.070	272.744.290.070
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem <i>Thuyết minh b)</i> )	59.135.200.000	59.135.200.000	-	-	-	-
Mệnh giá trái phiếu đến hạn (xem <i>Thuyết minh b)</i> )	1.806.913.000.000	1.806.913.000.000	-	-	2.744.505.000.000	2.744.505.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu đến hạn (xem <i>Thuyết minh b)</i> )	(30.416.084.993)	(30.416.084.993)	-	-	(13.852.569.435)	(13.852.569.435)
<b>Cộng</b>	<b>5.453.016.524.746</b>	<b>5.453.016.524.746</b>	<b>4.350.527.741.459</b>	<b>3.268.485.274.099</b>	<b>5.265.994.372.944</b>	<b>5.265.994.372.944</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn** (tiếp theo)**(\*) Chi tiết vay các bên liên quan**

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020		Giá trị có khả năng thanh toán VND
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	1.449.481.628.936	1.449.481.628.936	998.359.505.148	624.990.958.032	1.076.113.081.820	1.076.113.081.820	1.076.113.081.820
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	400.246.796.048	400.246.796.048	1.367.700.300.000	1.252.302.344.726	284.848.840.774	284.848.840.774	284.848.840.774
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	124.646.443.331	124.646.443.331	49.000.000.000	30.000.000.000	105.646.443.331	105.646.443.331	105.646.443.331
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	83.432.730.683	83.432.730.683	117.261.821.053	33.829.090.370	-	-	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	28.000.000.000	28.000.000.000	33.000.000.000	5.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	27.981.467.058	27.981.467.058	-	443.150.764	28.424.617.822	28.424.617.822	28.424.617.822
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	27.907.320.352	27.907.320.352	47.707.320.352	19.800.000.000	-	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	15.000.000.000	15.000.000.000	12.000.000.000	19.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	4.167.871.675	4.167.871.675	-	-	4.167.871.675	4.167.871.675	4.167.871.675
<b>Cộng</b>	<b>2.160.864.258.083</b>	<b>2.160.864.258.083</b>	<b>2.625.028.946.553</b>	<b>1.985.365.543.892</b>	<b>1.521.200.855.422</b>	<b>1.521.200.855.422</b>	<b>1.521.200.855.422</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn:**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VPBank)	509.820.000.000	12 tháng	27/05/2021	11,50%- 12,80%	Hợp tác với Công ty CII E&C để thi công xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.	Thế chấp bằng các cổ phiếu sau: - SII: 14.350.000 cổ phiếu - CEE: 11.876.100 cổ phiếu - NBB: 4.000.000 cổ phiếu Và thế chấp 19,98% vốn góp tại Công ty TNHH Đầu tư Bất động sản Thủ Thiêm River Park.
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh (HD Bank)	274.000.000.000	11 tháng	23/05/2021	10,00%	Hợp tác với Công ty CII E&C để thi công xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận.	Thế chấp bằng các cổ phiếu sau: - CII: 17.800.000 cổ phiếu - LGC: 8.623.088 cổ phiếu - CEE: 5.166.180 cổ phiếu - SII: 5.177.100 cổ phiếu.
Các công ty Chứng khoán	339.734.861.586	12 tháng		8,50%- 12,50%	Đầu tư chứng khoán.	Thế chấp bằng các cổ phiếu sau: - CII: 19.301.620 cổ phiếu - NBB: 26.350.032 cổ phiếu.
Các bên liên quan, các công ty và cá nhân khác	2.493.829.548.153	<= 12 tháng		8,00%- 12,00%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp, không có tài sản đảm bảo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay các cá nhân và tổ chức khác	360.342.422.000	360.342.422.000	45.873.814.500	48.994.576.000	363.463.183.500	363.463.183.500
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng	(59.135.200.000)	(59.135.200.000)	-	-	-	-
	<b>301.207.222.000</b>	<b>301.207.222.000</b>	<b>45.873.814.500</b>	<b>48.994.576.000</b>	<b>363.463.183.500</b>	<b>363.463.183.500</b>
<b>Trái phiếu phát hành</b>						
Trái phiếu CII2020_02	1.979.833.333.333	2.000.000.000.000	1.979.833.333.333	-	-	-
Trái phiếu CII012029_G	1.120.622.458.718	1.150.000.000.000	1.728.090.664	-	1.118.894.368.054	1.150.000.000.000
Trái phiếu CII_BOND2019_04	800.000.000.000	800.000.000.000	3.005.554.775	-	796.994.445.225	800.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2017 cho RAM	464.500.000.000	464.500.000.000	-	927.520.000.000	1.392.020.000.000	1.392.020.000.000
Trái phiếu CII_BOND2019_01	367.909.604.500	370.000.000.000	-	2.090.395.500	370.000.000.000	370.000.000.000
Trái phiếu CII122020	299.200.000.000	300.000.000.000	800.000.000	-	298.400.000.000	300.000.000.000
Trái phiếu CII.BOND.2020.01	292.125.000.000	300.000.000.000	292.125.000.000	-	-	-
Trái phiếu CII052022	257.085.000.000	261.000.000.000	978.750.000	-	256.106.250.000	261.000.000.000
Trái phiếu CII2020_01	249.062.500.000	250.000.000.000	249.062.500.000	-	-	-
Trái phiếu CII2020_03	213.482.860.000	220.000.000.000	213.482.860.000	-	-	-
Trái phiếu CII072022	197.333.333.333	200.000.000.000	666.666.666	-	196.666.666.667	200.000.000.000
Trái phiếu CII102021	196.875.000.000	200.000.000.000	1.250.000.000	-	195.625.000.000	200.000.000.000
Trái phiếu BOND2018_02	14.400.000.000	14.400.000.000	-	-	14.400.000.000	14.400.000.000
Trái phiếu CII 41401	8.013.000.000	8.013.000.000	-	72.000.000	8.085.000.000	8.085.000.000
Trái phiếu CII_BOND2018_01	-	-	-	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Trái phiếu CII_BOND2019_02	-	-	-	30.000.000.000	30.000.000.000	30.000.000.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn** (tiếp theo)

	30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
<b>Trái phiếu phát hành (tiếp theo)</b>						
Trừ: Mệnh giá phải trả trong 12 tháng tới	(1.806.913.000.000)	(1.806.913.000.000)	-	-	(2.744.505.000.000)	(2.744.505.000.000)
Cộng: Chi phí phát hành trái phiếu kết chuyển vào chi phí trong 12 tháng tới	30.416.084.993	-	-	-	13.852.569.435	-
	<b>4.683.945.174.877</b>	<b>4.731.000.000.000</b>	<b>2.742.932.755.438</b>	<b>1.159.682.395.500</b>	<b>2.146.539.299.381</b>	<b>2.181.000.000.000</b>
<b>Cộng vay và trái phiếu</b>	<b>4.985.152.396.877</b>	<b>5.032.207.222.000</b>	<b>2.788.806.569.938</b>	<b>1.208.676.971.500</b>	<b>2.510.002.482.881</b>	<b>2.544.463.183.500</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

**Lịch thanh toán của các khoản vay dài hạn**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	59.135.200.000	-
Trong năm thứ hai	176.796.277.500	275.426.053.500
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	124.410.944.500	88.037.130.000
	<b>360.342.422.000</b>	<b>363.463.183.500</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(59.135.200.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>301.207.222.000</b>	<b>363.463.183.500</b>

**Lịch thanh toán của các khoản trái phiếu**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	1.806.913.000.000	2.744.505.000.000
Trong năm thứ hai	1.381.000.000.000	200.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	2.200.000.000.000	831.000.000.000
Sau năm năm	1.150.000.000.000	1.150.000.000.000
	<b>6.537.913.000.000</b>	<b>4.925.505.000.000</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	(1.806.913.000.000)	(2.744.505.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(47.054.825.123)	(34.460.700.619)
<b>Cộng</b>	<b>4.683.945.174.877</b>	<b>2.146.539.299.381</b>

(\*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ phân bổ dần vào chi phí đi vay theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Khoản vay các cá nhân và tổ chức khác với mục đích bổ sung vốn lưu động với thời hạn vay từ 13 đến 36 tháng. Lãi suất vay trong kỳ là 8,5%/năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo, số dư đi vay tại 30 tháng 6 năm 2020 là 360.342.422.000 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản trái phiếu chưa đáo hạn***Trái phiếu CII2020\_02 với tổng mệnh giá phát hành là 2.000 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 13 tháng 3 năm 2020;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty;
- Tài sản đảm bảo: cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội; cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII, Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy thuộc sở hữu của CII.

*Trái phiếu CII012029\_G với tổng mệnh giá phát hành là 1.150 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 11.500.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo, được bảo lãnh thanh toán bởi GuarantCo Ltd với thời hạn bảo lãnh là 10 năm;
- Ngày phát hành: 31 tháng 1 năm 2019;
- Kỳ hạn: 10 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 7,2%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tài trợ vốn cho các dự án BOT trọng điểm của Công ty;

*Trái phiếu CIIBOND2019\_04 với tổng mệnh giá phát hành là 800 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 800.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 31 tháng 7 năm 2019;
- Kỳ hạn: 366 ngày;
- Lãi trái phiếu: 9,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy, Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII thuộc sở hữu của CII, quyền phải thu của NBB cho các hợp đồng chuyển nhượng đất thuộc các dự án kinh doanh bất động sản như NBB4, NBB2 và 751,3 tỷ vốn góp trong Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu chuyển đổi phát hành năm 2017 cho RAM với mệnh giá 20 triệu USD*

- Mệnh giá: 100.000 Đô la Mỹ;
- Số lượng chào bán: 200 trái phiếu;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Quỹ đầu tư Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No. 1 thông qua các nhà đầu tư được ủy thác Industrial Bank Of Korea;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành và có thể được gia hạn năm (05) lần mỗi lần một (01) năm;
- Lãi trái phiếu: 1%/năm, được thanh toán 6 tháng/lần kể từ ngày phát hành;
- Ngày phát hành: ngày 11 tháng 7 năm 2017;
- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Trái chủ: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, với lãi suất tính giá mua lại là 3%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Mua lại trước hạn theo quyền chọn bán của Tổ chức phát hành: sau ba (03) năm kể từ ngày phát hành, Công ty được quyền mua lại tối đa 50% số mệnh giá trái phiếu đã phát hành với lãi suất tính giá mua lại là 4,5%/năm. Mệnh giá mua lại tối thiểu là 3 triệu Đô la Mỹ và là bội số của 100.000 Đô la Mỹ.
- Mục đích sử dụng vốn: tài trợ cho dự án hạ tầng BT ở Khu đô thị mới Thủ Thiêm bằng cách góp vốn vào Công ty TNHH Khu MTV Bắc Thủ Thiêm.

Vào ngày 5 tháng 10 năm 2019 nhà đầu tư đã gửi thông báo đến Công ty yêu cầu mua lại trước hạn trái phiếu vào ngày tròn 3 năm kể từ ngày phát hành (ngày 11 tháng 7 năm 2020). Toàn bộ mệnh giá trái phiếu này đã được phân loại và trình bày là nợ đến hạn trả của khoản mục Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

*Trái phiếu CII\_BOND2019\_01 với tổng mệnh giá phát hành là 370 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 1.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 370.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu doanh nghiệp, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có lãi suất cố định và có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 25 tháng 2 năm 2019;
- Kỳ hạn: 3 năm;
- Lãi trái phiếu: 9,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 12 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy thuộc sở hữu của CII, 235 tỷ phần vốn góp Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu CII 122020 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 29 tháng 12 năm 2017;
- Kỳ hạn: 3 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: áp dụng cho 2 kỳ đầu tiên 10%/năm; các kỳ tiếp theo bằng lãi suất tham chiếu của kỳ xác định lãi suất đó cộng 3,3%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy, Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII, Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII thuộc sở hữu của CII, đồng thời Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thực hiện bảo lãnh không hủy ngang tất cả các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến trái phiếu;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII.BOND.2020.01 với tổng mệnh giá phát hành là 300 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 3.000;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 12 tháng 03 năm 2020;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm. Năm thứ 2, lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,5%/năm, nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII052022 với tổng mệnh giá phát hành là 261 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.610;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 21 tháng 5 năm 2019;
- Kỳ hạn: 3 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất áp dụng cho năm đầu tiên là 11%/năm. Năm thứ 2, lãi suất được tính bằng bình quân tổng lãi suất tham chiếu cộng biên độ tối đa không quá 3,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)*Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu CIIBOND202\_01 với tổng mệnh giá phát hành là 250 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.500;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 2 tháng 1 năm 2020;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: lãi suất được tính bằng lãi suất tham chiếu cộng biên độ 3,85%/năm, nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại lô 3.15.
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CI2020\_03 với tổng mệnh giá phát hành là 220 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.200;
- Trái chủ: nhà đầu tư tổ chức;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 19 tháng 03 năm 2020;
- Kỳ hạn: 13 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 11%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: tiền lãi được thanh toán vào ngày đáo hạn, hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CI1072022 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 24 tháng 7 năm 2019;
- Kỳ hạn: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 2 kỳ tính lãi đầu là 11%/năm, các kỳ sau bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong + biên độ 3,5%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**15. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn** (tiếp theo)*Trái phiếu CII102021 với tổng mệnh giá phát hành là 200 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 2.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền; không có tài sản đảm bảo; có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, không phải nợ thứ cấp;
- Ngày phát hành: 24 tháng 10 năm 2019;
- Kỳ hạn: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 4 kỳ tính lãi đầu là 11%/năm, các kỳ sau bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Tiên Phong + biên độ 4%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 3 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty.

*Trái phiếu CII\_BOND2018\_02 với tổng mệnh giá phát hành là 100 tỷ VND*

- Mệnh giá trái phiếu: 100.000 VND/trái phiếu;
- Số lượng trái phiếu phát hành: 1.000.000;
- Trái chủ: Nhà đầu tư tổ chức và cá nhân;
- Loại trái phiếu: trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo;
- Ngày phát hành: 14 tháng 12 năm 2018;
- Kỳ hạn: 2 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 10%/năm;
- Kỳ tính lãi và thanh toán lãi: 6 tháng/lần, trả lãi sau;
- Mục đích sử dụng nguồn vốn: Tăng quy mô vốn hoạt động cho Công ty;
- Tài sản đảm bảo: cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội

*Trái phiếu chuyển đổi CII 41401 phát hành tháng 6 năm 2014*

- Mệnh giá: 1.000.000 VND;
- Tổng mệnh giá phát hành: 1.081.846.000.000 VND;
- Thời gian phát hành: tháng 6 năm 2014;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành;
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Công ty đã sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu để đầu tư vào Công ty con và các dự án của Công ty.

Công ty đã tiến hành 6 đợt chuyển đổi trái phiếu với tổng số lượng trái phiếu đã chuyển đổi là 1.072.836, tương đương tổng mệnh giá là 1.072.836.000.000 VND, số lượng cổ phiếu được chuyển đổi là 97.520.334 cổ phiếu. Giá trị còn lại của trái phiếu đã hết quyền chuyển đổi, Công ty có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nhà đầu tư và được trình bày là một khoản nợ ngắn hạn trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

<b>16. Vốn chủ sở hữu</b>								
<b>a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu</b>	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Cổ phiếu quỹ (i)	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>	<b>2.830.432.730.000</b>	<b>385.422.992.877</b>	<b>5.968.432.055</b>	<b>(851.997.873.500)</b>	<b>193.013.957.959</b>	<b>372.964.062.367</b>		<b>2.935.804.301.758</b>
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	1.248.790.000	125.210.000	-	-	-	-		1.374.000.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	68.695.022.279		68.695.022.279
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>385.548.202.877</b>	<b>5.968.432.055</b>	<b>(851.997.873.500)</b>	<b>193.013.957.959</b>	<b>441.659.084.646</b>		<b>3.005.873.324.037</b>
Kết chuyển quyền chọn do trái chủ không chuyển đổi	-	5.968.432.055	(5.968.432.055)	-	-	-		-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	(47.692.618.300)		(47.692.618.300)
<b>Tại ngày 31/12/2019</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>391.516.634.932</b>	<b>-</b>	<b>(851.997.873.500)</b>	<b>193.013.957.959</b>	<b>393.966.466.346</b>		<b>2.958.180.705.737</b>
Mua lại cổ phiếu trong kỳ	-	-	-	(175.510.116.869)	-	-		(175.510.116.869)
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển (ii)	-	-	-	-	9.792.186.871	(9.792.186.871)		-
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(9.792.186.871)		(9.792.186.871)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	304.192.700.857		304.192.700.857
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>2.831.681.520.000</b>	<b>391.516.634.932</b>	<b>-</b>	<b>(1.027.507.990.369)</b>	<b>202.806.144.830</b>	<b>678.574.793.461</b>		<b>3.077.071.102.854</b>

(i) Trong kỳ Công ty đã mua 9.000.000 cổ phiếu quỹ.

(ii) Mức trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm 2019 được thực hiện theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 2 tháng 6 năm 2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**16. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	30/06/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	283.168.152	283.043.273
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	283.168.152	283.043.273
+ Cổ phiếu phổ thông	283.168.152	283.043.273
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(44.329.870)	(35.329.870)
+ Cổ phiếu phổ thông	(44.329.870)	(35.329.870)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	238.838.282	247.713.403
+ Cổ phiếu phổ thông	238.838.282	247.713.403
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

**c. Cổ tức**

Cổ tức năm 2019 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 ngày 2 tháng 6 năm 2020 phê duyệt với tỷ lệ 12%. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty chưa chốt danh sách cổ đông có quyền nhận cổ tức với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Cổ tức sẽ được chi trả cho cổ đông ngay sau khi có thông báo gửi đến các cổ đông.

Cổ tức năm 2020 theo kế hoạch sẽ được chi trả với tỷ lệ 16%. Tùy thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty, ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định việc chi trả cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu. Mức chi trả và hình thức trả cổ tức cuối cùng sẽ được phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính (i)	470.472.866.292	537.220.457
Cổ tức, lợi nhuận được chia	190.595.381.130	260.526.131.311
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	173.951.774.975	123.555.284.414
Lợi nhuận đảm bảo từ các dự án hợp tác kinh doanh	-	(1.680.519.736)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ	11.850.823	-
<b>Cộng</b>	<b>835.031.873.220</b>	<b>382.938.116.446</b>

**Trong đó, doanh thu phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>190.595.381.130</b>	<b>260.526.131.311</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	159.131.955.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	31.463.426.130	115.023.731.311
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	118.500.000.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	-	17.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	4.502.400.000
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	-	3.000.000.000
<b>Lãi tiền cho vay</b>	<b>127.906.630.989</b>	<b>88.510.227.580</b>
Công ty CP BOT Trung Lương Mỹ Thuận	69.079.442.869	42.946.505.517
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	27.729.155.920	3.306.233.656
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	8.518.901.623	32.676.488.976
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	7.660.054.794	717.216.184
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	7.218.828.767	5.301.666.374
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	4.398.931.508	214.383.562
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	2.628.336.627	3.003.823.823
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	672.978.881	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân Dụng E&C	-	343.909.488
<b>Lợi nhuận đảm bảo từ các dự án hợp tác kinh doanh</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	(1.680.519.736)
<b>Cộng doanh thu từ bên liên quan</b>	<b>318.502.012.119</b>	<b>347.355.839.155</b>

(i) Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ bao gồm:

- Lãi phát sinh từ giao dịch chuyển nhượng 80% vốn góp trong TTRVP với giá trị là 386.535.444.287 đồng;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**1. Doanh thu hoạt động tài chính** (tiếp theo)

- Thu nhập từ giao dịch chuyển nhượng quyền tham gia phát triển dự án với giá trị là 80 tỷ đồng;
- Lãi từ giao dịch chuyển nhượng chứng khoán với giá trị là 3.937.422.005 đồng.

**2. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí lãi vay	440.273.702.768	258.310.468.472
Chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	45.079.640.334	22.692.964.747
Chi phí/(hoàn nhập) dự phòng đầu tư tài chính	18.491.849.585	(5.900.000.000)
Chi phí phát sinh liên quan đến mua lại trái phiếu	2.762.053.586	48.306.401.576
Lỗ và chi phí thanh lý các khoản đầu tư tài chính	543.778.150	-
Chi phí tài chính khác	5.068.824.871	1.462.444.277
<b>Cộng</b>	<b>512.219.849.294</b>	<b>324.872.279.072</b>

*Trong đó, chi phí phát sinh từ các giao dịch với các bên liên quan:*

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>97.251.515.836</b>	<b>60.983.552.635</b>
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	62.066.165.085	37.572.089.524
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	22.386.198.313	13.151.271.450
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	6.152.802.223	2.824.582.668
Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ	2.638.918.006	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	1.274.043.052	1.693.461.930
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	1.099.476.011	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	911.095.890	8.284.932
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	554.250.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	168.567.256	167.641.063
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia	-	4.568.432.821
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân Dụng E&C	-	429.021.123
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Xây dựng CII E&C	-	361.643.836
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	-	207.123.288
<b>Lãi chậm thanh toán</b>		
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	3.957.793.929	6.376.324.520
<b>Cộng chi phí từ bên liên quan</b>	<b>101.209.309.765</b>	<b>67.359.877.155</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)**3. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.560.369.272	6.585.723.358
Chi phí đồ dùng văn phòng	170.147.727	44.606.262
Chi phí khấu hao	145.812.498	145.812.498
Thuế, phí và lệ phí	2.899.387.849	706.601.112
Hoàn nhập chi phí dự phòng	-	(20.706.340.790)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.945.358.592	2.902.035.638
Chi phí bằng tiền khác	570.000.000	388.623.545
<b>Cộng</b>	<b>19.291.075.938</b>	<b>(9.932.938.377)</b>

**4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>303.828.567.016</b>	<b>69.886.764.751</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Các khoản chi phí không được trừ	98.655.692.305	194.917.559.185
Các khoản thu nhập không chịu thuế	(190.595.381.130)	(258.845.611.575)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>211.888.878.191</b>	<b>5.958.712.361</b>
Lỗi tính thuế năm trước mang sang (i)	(211.888.878.191)	-
<b>Thu nhập/(lỗ) tính thuế</b>	<b>-</b>	<b>5.958.712.361</b>
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	-	1.191.742.472
Thuế TNDN bổ sung (i)	(364.133.841)	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>(364.133.841)</b>	<b>1.191.742.472</b>

(i) Ngày 24 tháng 6 năm 2020, Chính Phủ đã công bố Nghị định 68/2020/NĐ-CP ("NĐ 68") sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 8 Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. NĐ 68 có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2019, trong đó cho phép các doanh nghiệp áp dụng hồi tố cho các năm 2017 và 2018. Phần chênh lệch giữa số thuế phát sinh khi áp dụng NĐ 68 so với NĐ 20 được phép giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020.

Việc áp dụng Nghị định 68 đã làm phát sinh khoản lỗ tính thuế của các năm 2017, 2018 và 2019 là 357.165.867.567 đồng và giảm số thuế phải nộp của năm 2018 là 364.133.841 đồng. Công ty đã sử dụng 211.888.878.191 đồng trong tổng số lỗ tính thuế mang sang để khấu trừ với thu nhập tính thuế kỳ này, đồng thời điều chỉnh giảm trừ số thuế phải nộp trong năm trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ với các bên liên quan**

Bên liên quan của Công ty là các công ty con, công ty liên doanh, liên kết do Công ty thực hiện đầu tư trực tiếp hoặc đầu tư gián tiếp qua các công ty con khác như đã trình bày tại Thuyết minh số 1 - Cấu trúc doanh nghiệp. Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong kỳ Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	49.000.000.000	23.800.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	30.000.000.000	1.374.227.094
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	10.000.000.000	-
Trả tiền lãi hỗ trợ vốn	-	925.772.906
<b>Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	104.500.000.000	27.500.000.000
Cán trừ hỗ trợ vốn phải thu và khoản phải trả về chuyển nhượng dự án đầu tư	42.000.000.000	-
Cán trừ lãi hỗ trợ vốn phải thu và lãi chậm thanh toán phải trả	2.830.630.138	3.110.356.164
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	30.000.000.000
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	30.000.000.000
Trả tiền lãi hỗ trợ vốn	-	207.123.288
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	1.363.462.700.000	319.549.994.306
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	859.300.000.000	329.900.000.000
Cán trừ vốn hợp tác kinh doanh - nợ gốc	853.125.935.296	24.027.052.683
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	399.176.409.430	310.092.855.460
Cán trừ vốn hợp tác kinh doanh - tiền lãi	13.834.119.498	3.128.825.280
Nhận tiền lãi hỗ trợ vốn	12.273.590.570	577.058.377
Trả lãi hỗ trợ vốn	-	13.207.144.540
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	-	302.872.947.317
<b>Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	33.000.000.000	-
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	5.000.000.000	-
<b>Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ Gia</b>		
Cán trừ công nợ phải trả với nợ gốc hỗ trợ vốn từ KBTT	143.616.630.659	-
Cán trừ công nợ phải trả với lợi nhuận được chia	84.284.512.500	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	30.000.000.000	4.568.432.820
Cán trừ công nợ phải trả với nợ gốc hỗ trợ vốn	14.500.000.000	-
Nhận tiền lợi nhuận được chia	2.000.000.000	-
Thanh toán tiền thuê văn phòng	126.566.987	128.274.470
Cán trừ công nợ phải trả với lãi phải thu từ hỗ trợ vốn	8.458.333	-
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	-	18.000.249.466

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu</b>		
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	443.150.764	3.700.997.325
Trả lãi hỗ trợ vốn	256.849.236	1.908.831.874
Nhận tiền hỗ trợ vốn	-	3.400.000.000
Cán trừ nợ vay và cổ tức phải thu	-	2.648.824.311
<b>Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Văn phòng Điện Biên Phủ</b>		
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	215.488.603.985	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	27.400.000.000	25.030.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy</b>		
Chuyển tiền góp vốn hợp tác đầu tư dự án Sơn Tĩnh	558.500.000.000	-
Thu hồi tiền góp vốn hợp tác đầu tư dự án Sơn Tĩnh	182.000.000.000	-
Nhận tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền kinh doanh	137.000.000.000	-
Nhận tiền lãi góp vốn hợp tác đầu tư dự án Thu hồi tiền gốc hợp tác đầu tư dự án Diamond Riverside	43.193.563.315	-
	-	231.200.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội</b>		
Mua lại nợ gốc hợp tác đầu tư từ KBTT	805.692.962.962	-
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	190.610.000.000	204.740.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	109.493.078.709	98.000.000.000
Mua lại nợ lãi hợp tác đầu tư từ KBTT	77.240.506.086	-
Nhận tiền hỗ trợ vốn	47.707.320.352	-
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	19.800.000.000	-
Nhận tiền lãi hợp tác đầu tư	13.401.913.135	-
<b>Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm</b>		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	877.000.000.000	903.296.057.159
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	624.990.958.032	278.095.809.046
Bù trừ tiền gốc và lãi phải trả với lợi nhuận phải thu	143.616.630.659	186.154.628.066
<b>Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu</b>		
Chuyển trả tiền hỗ trợ vốn	19.000.000.000	4.200.000.000
Nhận tiền hỗ trợ vốn	12.000.000.000	4.200.000.000
Trả tiền lãi hỗ trợ vốn	807.780.822	263.284.932
<b>Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận</b>		
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	459.000.000.000	597.500.000.000
Thu hồi hỗ trợ vốn	-	179.000.000.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**VII. THÔNG TIN KHÁC****1. Nghiệp vụ với các bên liên quan (tiếp theo)****Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
Lương	3.319.040.000	1.695.000.000
Thưởng và các khoản thu nhập khác	4.014.999.999	220.000.000
<b>Cộng</b>	<b>7.334.039.999</b>	<b>1.915.000.000</b>

**2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 13 tháng 7 năm 2020, Công ty đã hoàn tất giao dịch mua lại trước hạn 200 trái phiếu với tổng mệnh giá 20 triệu USD phát hành cho Rhinos Vietnam Convertible Bond Private Investment Fund No.2 và thanh toán đầy đủ các khoản nợ của trái phiếu này theo thỏa thuận với nhà đầu tư với tổng giá trị là 1.233.523,60 USD.

Ngày 28 tháng 7 năm 2020, Công ty đã phát hành thành công 800 tỷ VND trái phiếu riêng lẻ. Đây là các trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo, không kèm chứng quyền với kỳ hạn 3 năm kể từ ngày phát hành. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi (3 tháng/kỳ) đầu tiên là 11%/năm. Các kỳ sau, lãi suất được tính bằng lãi suất có kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng cộng (+) biên độ 3,85%/năm nhưng không thấp hơn 11%/năm.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, Đại Hội đồng Cổ đông Bất thường của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy đã thông qua cơ chế tăng cường mở rộng hợp tác với Công ty nhằm khai thác tối đa lợi thế của mỗi công ty trong việc đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án. Công ty có thể sử dụng tài sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy để đảm bảo cho việc huy động vốn nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ** (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020

**VII. THÔNG TIN KHÁC** (tiếp theo)**3. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ**

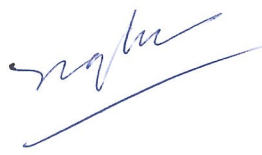
	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020 VND	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND
<b>Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</b>		
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	-	1.374.000.000
<b>Chi tiết tiền thực chi góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Chi đầu tư vào công ty con	851.060.452.371	355.193.044.677
Chi đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	465.578.300.000
Chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.370.060.366.715	-
	<b>2.221.120.819.086</b>	<b>820.771.344.677</b>
<b>Chi tiết tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>		
Thu hồi đầu tư vào công ty con	142.354.537.111	-
Thu từ chuyển nhượng công ty liên doanh, liên kết	1.648.953.000.000	-
Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	8.285.000.000
	<b>1.791.307.537.111</b>	<b>8.285.000.000</b>
<b>Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	1.771.372.609.406	646.938.861.097
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	2.728.363.681.500	1.774.021.697.890
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	2.625.028.946.553	1.098.004.243.015
	<b>7.124.765.237.459</b>	<b>3.518.964.802.002</b>
<b>Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	1.332.114.306.207	857.544.563.225
Tiền trả nợ gốc trái phiếu thường	1.159.610.395.500	531.851.000.000
Tiền trả nợ gốc trái phiếu chuyển đổi	72.000.000	835.000.000
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	1.985.365.543.892	836.423.274.248
	<b>4.477.162.245.599</b>	<b>2.226.653.837.473</b>

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2019 đã được kiểm toán và soát xét tương ứng bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.



**Nguyễn Văn Bích Ngọc**  
Người lập biểu



**Nguyễn Thị Mai Hương**  
Kê toán trưởng



**Lê Quốc Bình**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 8 năm 2020